

IBBS VÒNG II

Giám sát Kết hợp
Hành vi và Các chỉ số
Sinh học HIV/STI

Nam quan hệ tình dục
đồng giới (MSM)

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học (IBBS) tại Việt Nam được thiết kế nhằm ước tính và theo dõi sự thay đổi về chiều hướng hiện nhiễm HIV, các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục (STI), các hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận các chương trình can thiệp trong các nhóm quần thể nguy cơ cao nhiễm HIV như người tiêm chích ma túy (TCMT), phụ nữ mại dâm (PNMD) và nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM). Đây là một trong những tài liệu nằm trong bộ báo cáo tóm tắt của IBBS. Giám sát được thực hiện qua hai vòng, vòng I vào năm 2006 và vòng II vào năm 2009.



Năm 2006, 790 MSM tại hai thành phố là Hồ Chí Minh (Tp.HCM) và Hà Nội đã tham gia IBBS vòng I. Năm 2009, 1596 MSM tại bốn tỉnh/thành đã tham gia IBBS vòng II trong đó có hai thành phố nằm trong IBBS vòng I và hai tỉnh mới là Hải Phòng và Cần Thơ. Người tham gia nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu dây chuyền có kiểm soát.

Nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM) được phân thành hai nhóm: nhóm bán dâm (MSW) và nhóm không bán dâm (non MSW). MSM trong hai nhóm này có các mối quan hệ tình dục khác nhau đáng kể, đặc biệt khi liên quan đến bạn tình tự nguyện nam, bạn tình tự nguyện nữ và quan hệ với PNMD.

Tỷ lệ hiện nhiễm HIV và STI

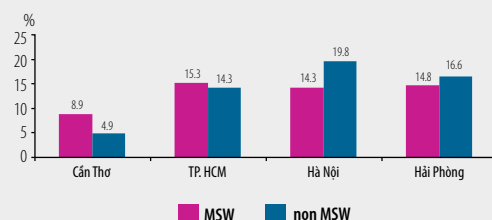
Ở IBBS vòng II, tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm MSM duy trì ở mức trên 10% tại tất cả các tỉnh thành nghiên cứu, ngoại trừ Cần Thơ (khoảng 5%), và lên đến 20% trong nhóm MSM không bán dâm ở Hà Nội (Biểu đồ 1). Tại Hà Nội và Tp. HCM, tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong cả hai nhóm MSM năm 2009 cao hơn đáng kể so với năm 2006. Nhóm MSM bán dâm (MSW) tại Hà Nội có tỷ lệ hiện nhiễm là 14% năm 2009, so với 9% năm 2006. Với những người không bán dâm (non MSW), tỷ lệ nhiễm là 20% năm 2009, so với 11% năm 2006. Kết quả của Tp. HCM cũng ở mức tương tự.

Tỷ lệ hiện nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STI) (không phải HIV) trong nhóm MSM duy trì ở mức cao. Cứ năm người MSM tại Tp. HCM thì có một người nhiễm một trong các bệnh STI sau: giang mai, lậu sinh dục, lậu trực tràng, Chlamydia sinh dục hoặc Chlamydia trực tràng (Biểu đồ 2). Không giống với Hà Nội, tỷ lệ MSM tại Tp. HCM nhiễm STI năm 2009 cao hơn so với năm 2006. Nhiễm STI trong nhóm MSM tại Hà Nội có giảm tuy nhiên tỷ lệ hiện nhiễm vẫn đang ở mức trên 10% năm 2009.



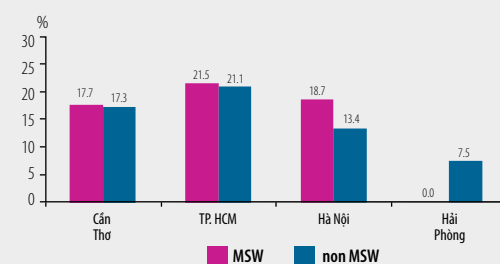
Biểu đồ 1:

Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm MSM có bán dâm (MSW) và MSM không bán dâm (non MSW), IBBS 2009



Biểu đồ 2:

Tỷ lệ hiện nhiễm STI trong nhóm MSM có bán dâm (MSW) và MSM không bán dâm (non MSW), IBBS 2009



IBBS là sáng kiến được thực hiện bởi các cơ quan dưới đây:

Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) | Cục Phòng chống HIV/AIDS (VAAC) | FHI 360 | Văn phòng Liên hợp quốc Phòng chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) | Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) | Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC).

Ấn phẩm IBBS được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), các tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID, CDC hay Chính phủ Hoa Kỳ.



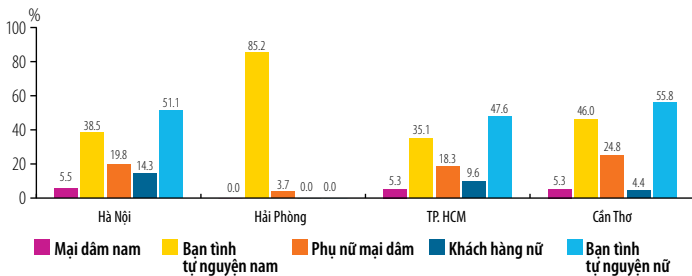
Các chỉ số hành vi nguy cơ nhiễm HIV/STI

Loại bạn tình và hành vi sử dụng bao cao su

Có một tỷ lệ lớn các MSM bán dâm nói họ có QHTD với bạn tình tự nguyện nữ trong 12 tháng qua tại ba trên bốn tỉnh thành nghiên cứu. Ngoại trừ ở Hải Phòng nơi MSM bán dâm chủ yếu có QHTD với bạn tình nam, 47-56% báo cáo có QHTD với bạn tình nữ ít nhất một lần trong 12 tháng qua, so với tỷ lệ 39-46% có QHTD với bạn tình nam ít nhất một lần trong tháng qua. MSM bán dâm cũng báo cáo có QHTD với PNMD nhiều hơn (lên tới 25% ở Cần Thơ) trong 12 tháng qua (Biểu đồ 3).

Biểu đồ 3:

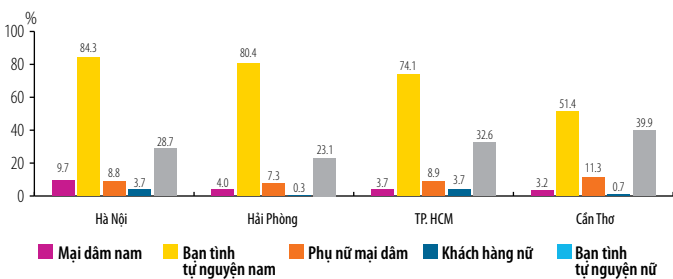
Tỷ lệ MSM bán dâm báo cáo có QHTD với bạn tình nam trong 1 tháng qua và với bạn tình nữ trong 12 tháng qua, theo loại bạn tình, IBBS 2009



Ngược lại chỉ có 7-11% MSM không bán dâm báo cáo có QHTD với PNMD. Trong khi những MSM này, nhìn chung, thích bạn tình tự nguyện nam hơn, rất nhiều người báo cáo có QHTD với bạn tình tự nguyện nữ (từ 23-40%) ít nhất một lần trong 12 tháng qua (Biểu đồ 4).

Biểu đồ 4:

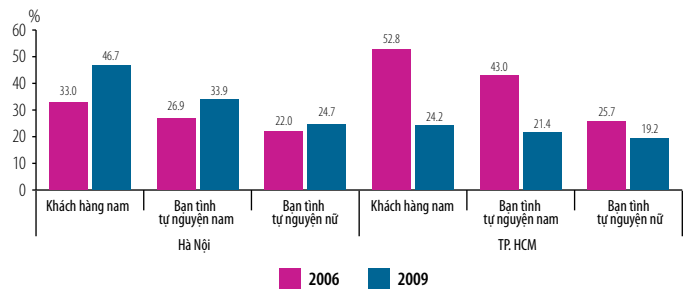
Tỷ lệ MSM không bán dâm báo cáo họ có QHTD với bạn tình nam trong 1 tháng qua và với bạn tình nữ trong 12 tháng qua, phân theo loại bạn tình, IBBS 2009



Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên trong nhóm MSM bán dâm với các loại bạn tình khác nhau duy trì ở mức thấp, dưới 50% ở tất cả các tỉnh thành ngoại trừ Hà Nội, nơi 64% MSM bán dâm báo cáo sử dụng bao cao su thường xuyên với PNMD. Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình tự nguyện nữ (trong 12 tháng qua) thấp hơn so với bạn tình tự nguyện nam tại cả Hà Nội và Tp.HCM (Biểu đồ 5).

Biểu đồ 5:

Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên trong 1 tháng qua với bạn tình nam và trong 12 tháng qua với bạn tình nữ trong nhóm MSM bán dâm, IBBS 2006 và 2009

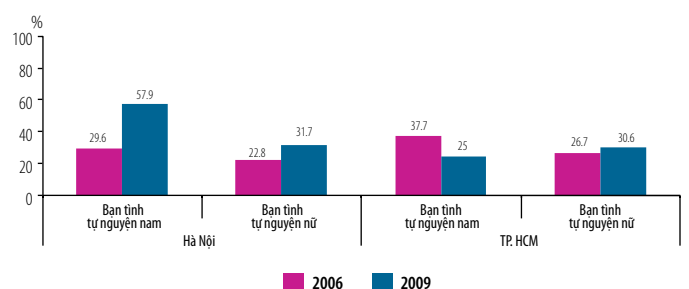


Năm 2009, MSM không bán dâm báo cáo sử dụng bao cao su thường xuyên ở mức thấp với cả bạn tình tự nguyện nam và nữ. Tỷ lệ báo cáo sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình tự nguyện nam và nữ lần lượt là 31% và 25% trong nhóm MSM không bán dâm tại Tp.HCM. MSM không bán dâm tại Hà Nội sử dụng bao cao su thường xuyên hơn với bạn tình tự nguyện nam (58%) so với bạn tình tự nguyện nữ (32%) (Biểu đồ 6).

Sử dụng bao cao su thường xuyên có chiều hướng tăng tại Hà Nội nhưng giảm tại Tp.HCM trong nhóm MSM không bán dâm. Tại Hà Nội, tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình tự nguyện nam tăng mạnh (gần gấp đôi), và với bạn tình tự nguyện nữ cũng tăng trong nhóm MSM không bán dâm. Tuy nhiên, tại Tp.HCM, tỷ lệ báo cáo sử dụng bao cao su thường xuyên với bạn tình tự nguyện nam trong nhóm này năm 2009 thấp hơn so với năm 2006. (Biểu đồ 6).

Biểu đồ 6:

Sử dụng bao cao su thường xuyên trong 1 tháng qua với bạn tình nam và trong 12 tháng qua với bạn tình nữ trong nhóm MSM không bán dâm, IBBS 2006 và 2009



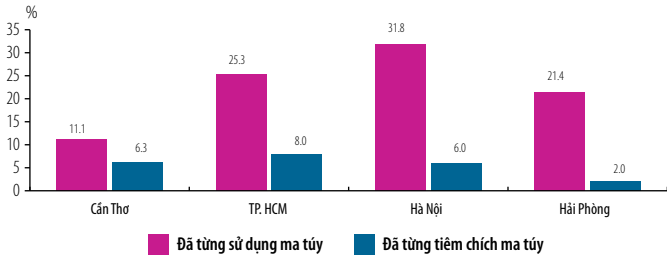
IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI

Sử dụng ma túy

Tương tự nhóm PNMD và TCMT, MSM phải đối mặt với các nguy cơ nhiễm HIV liên quan đến ma túy và tình dục. Biểu đồ 7 minh họa tỷ lệ MSM báo cáo có sử dụng ma túy trong năm 2009. Tỷ lệ sử dụng ma túy dao động từ 11% tại Cần Thơ lên 32% tại Hà Nội. Tỷ lệ MSM báo cáo đã từng tiêm chích ma túy cao nhất tại Tp. HCM với 8%.

Biểu đồ 7:

Tỷ lệ MSM đã từng sử dụng ma túy và đã từng tiêm chích ma túy, IBBS 2009



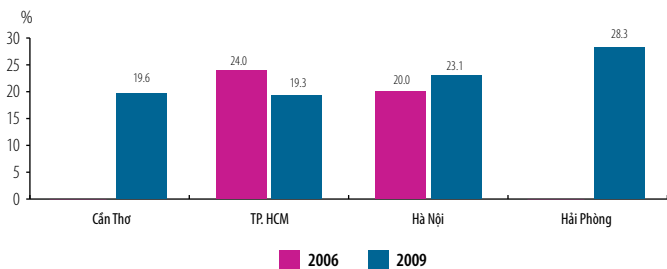
Tiếp cận với chương trình can thiệp

Xét nghiệm HIV

Tỷ lệ xét nghiệm HIV trong nhóm MSM cũng duy trì ở mức thấp tại cả 4 tỉnh thành nghiên cứu. Trong khi tại Hà Nội, tỷ lệ MSM được xét nghiệm và biết kết quả năm 2009 tăng nhẹ so với năm 2006, tỷ lệ này giảm mạnh (từ 24% xuống 19%) tại Tp. HCM. Phát hiện này cần phải được tìm hiểu kỹ hơn trong bối cảnh dịch vụ tư vấn xét nghiệm HIV được mở rộng rất nhanh tại Tp. HCM trong giai đoạn 2006 - 2009.

Biểu đồ 8:

Tỷ lệ MSM đã từng xét nghiệm HIV và biết kết quả, IBBS 2006 và 2009

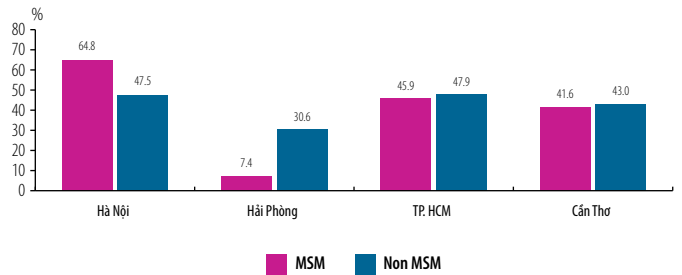


Chương trình bao cao su

Trên 40% MSM tại Hà Nội, Tp. HCM và Cần Thơ báo cáo nhận được bao cao su miễn phí trong 6 tháng qua. Tỷ lệ này thấp hơn tại Hải Phòng, đặc biệt là trong nhóm MSM có bán dâm (7%). So sánh số liệu giữa năm 2006 và 2009 cho thấy tỷ lệ nhận được bao cao su miễn phí trong nhóm MSM tăng nhẹ tại Hà Nội và Tp. HCM.

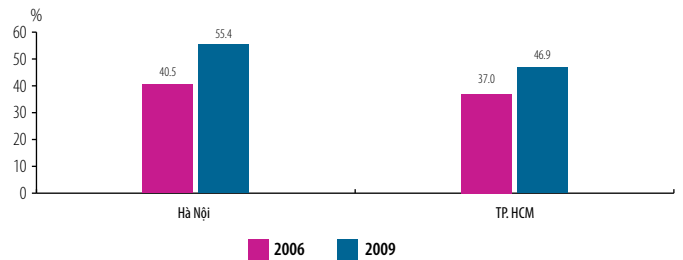
Biểu đồ 9:

Tỷ lệ MSM bán dâm (MSW) và MSM không bán dâm (non MSW) nhận được bao cao su miễn phí trong 6 tháng qua, IBBS 2009



Biểu đồ 10:

Tỷ lệ % MSM nhận được bao cao su trong 6 tháng qua, IBBS 2006 và 2009



Nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM)

Các chỉ số	Cần Thơ			TP. HCM			Hà Nội			Hải Phòng		
	MSM	MSW	non MSM	MSM	MSW	non MSM	MSM	MSW	non MSM	MSM	MSW	non MSM
HIV (n)	398	113	284	398	209	189	399	182	217	400	27	373
Tỷ lệ %	6	8.9	4.9	14.8	15.3	14.3	17.3	14.3	19.8	16.5	14.8	16.6
STI (n)	398	113	284	398	209	189	399	182	217	400	27	373
Tỷ lệ %	17.3	17.7	17.3	21.4	21.5	21.1	15.8	18.7	13.4	7	0	7.5
Số bạn tình nam trong tháng qua (n)	398	113	284	398	209	189	390	178	211	389	24	365
0	34.4	0	48.1	11.8	0	24.9	7.7	0	14.2	18.8	0	20
1	22.9	12.4	27	34.7	25.8	44.4	29.5	7.9	47.6	45.8	0	48.8
2	14.6	22.1	11.6	18.8	21.1	16.4	14.4	11.2	17	17	50	14.8
3	7.8	14.2	5.3	9.1	13.4	4.2	11.5	11.8	11.3	10	16.7	9.6
>=4	20.4	51.3	8.1	25.6	39.7	10.1	36.9	69.1	9.9	8.5	33.3	6.9
MSM bán dâm cho bạn tình nam trong 1 tháng qua (n)	396	112	284	399	209	190	398	182	216	400	27	373
Tỷ lệ %	28.3	100	0	52.4	100	0	45.7	100	0	6.8	100	0
MSM có quan hệ tình dục với mại dâm nam trong 1 tháng qua (n)	396	112	284	399	209	190	399	182	217	400	27	373
Tỷ lệ %	3.8	5.3	3.2	4.5	5.3	3.7	7.8	5.5	9.7	3.8	0	4
MSM có quan hệ tình dục tự nguyện với bạn tình nam trong 1 tháng qua (n)	397	113	284	397	208	189	399	182	217	400	27	373
Tỷ lệ %	49.9	46	51.4	53.7	35.1	74.1	63.4	38.5	84.3	80.8	85.2	80.4
MSM có quan hệ tình dục với bạn tình nữ trong 12 tháng qua (n)	398	113	284	399	209	190	397	182	215	393	27	367
Tỷ lệ %	46.3	59.3	41.2	45.4	53.1	36.8	48.6	65.9	34.4	28.5	3.8	30.8
MSM có quan hệ tình dục với phụ nữ mại dâm trong 12 tháng qua (n)	398	113	284	399	209	190	397	182	215	393	27	367
Tỷ lệ %	15.4	24.8	11.3	13.8	18.3	8.9	13.8	19.8	8.8	7	3.7	7.3
MSM báo cáo sử dụng bao cao su thường xuyên khi bán dâm cho bạn tình nam trong 1 tháng qua (n)	83	82	1	149	149	N/A	166	165	1	25	25	N/A
Tỷ lệ %	45.8	46.3	0	24.2	24.2	N/A	47	46.7	100	20	20	N/A
MSM báo cáo sử dụng bao cao su thường xuyên với mại dâm nam trong 1 tháng qua (n)	9	6	3	13	9	4	29	10	19	13	N/A	13
Tỷ lệ %	33.3	0	0	15.4	22.2	25	58.6	60	57.9	23.1	0	23.1
MSM sử dụng BCS thường xuyên với PNMD trong 12 tháng qua (n)	61	28	33	54	37	17	55	36	19	28	1	27
Tỷ lệ %	37.7	35.7	39.4	38.9	43.2	29.4	67.3	63.9	73.7	64.3	100	66.7
MSM đã từng tiêm chích ma túy (n)	397	113	284	399	209	190	399	182	217	400	27	373
Tỷ lệ %	6.3	5.3	6.7	8	8.1	7.9	6	5.5	6.5	2	11.1	1.3
MSM có bạn tình là người NCMT (n)	397	113	284	399	209	190	399	182	217	399	27	372
Tỷ lệ %	7.6	7.1	7.7	30.8	34.4	26.8	11.8	13.2	10.6	3.5	7.4	3.2
MSM đã xét nghiệm HIV, biết kết quả và được tư vấn trước-sau xét nghiệm (n)	398	113	283	399	209	190	399	182	217	400	27	373
Tỷ lệ %	19.1	13.5	21.7	18.5	16.5	20.8	21.8	25.1	19.1	28.8	21.3	30.3
MSM đã xét nghiệm HIV và biết kết quả xét nghiệm (n)	398	113	283	399	209	190	399	182	217	400	27	373
Tỷ lệ %	19.6	14.2	21.9	19.3	17.2	21.6	23.1	27.5	19.4	28.3	21.7	30.4

IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI

Các kết quả này được tóm lược từ báo cáo toàn văn "Kết quả Giám sát Kết hợp Hành vi và các Chỉ số Sinh học HIV/STI (IBBS) tại Việt Nam, Vòng II - 2009". Toàn văn báo cáo được lưu trữ tại Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) và Văn phòng FHI 360 tại Việt Nam.